TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21/6/2018
V/v ly hôn giữa anh T và chị H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Ngọ

2. Ông Triệu Quang Trân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới: Bà Đinh Thị Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án thụ lý số 54/2018/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 về việc " Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐST - HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Anh Ma Văn T, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Ma Văn T trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H vào ngày 10/3/1987, nhưng đến ngày 01/10/2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về ở cùng bố mẹ đẻ của chị H tại thôn K, xã N, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn. T gian đầu cuộc sống chung hạnh phúc. Từ năm 2000 do hoàn cảnh kinh tế khó khăn dẫn đến vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng kéo dài và ngày càng trầm trọng. Đến đầu năm 2017 thì hai người sống ly thân cho đến nay. Nay, anh xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn nên anh xin ly hôn chị H.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Ma Thị T, sinh ngày xx/x/19xxvà Ma Văn T, sinh ngày xx/xx/19xx. Hiện nay hai con đã trưởng thành, có gia đình và cuộc sống riêng. Do vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung.

- Về chia tài sản chung: Anh T xác định tự thỏa thuận chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Anh T xác định hai vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Thị H trình bày trong bản tự khai và tại 02 phiên hòa giải: Về thời điểm kết hôn, đúng như anh T trình bày. Tuy nhiên, giữa hai vợ chồng không hề có mâu thuẫn lớn dẫn đến rạn nứt tình cảm vợ chồng như anh T trình bày mà chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt không đáng kể. Chị thừa nhận chị và anh T sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay nhưng là do anh T tự ý bỏ nhà đi chứ hai vợ chồng không hề có mâu thuẫn, xô xát gì. Chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung như anh T trình bày, các con chung đều đã có cuộc sống riêng, không phụ thuộc vào bố mẹ;.

- Về tài sản chung: Vì không đồng ý ly hôn nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Chị H xác nhận hai vợ chồng không có nợ chung.

Sau khi nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị H xin vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm; Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định của Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ma Văn T. Anh T được ly hôn chị H.

- Về con chung: Các con chung của anh T chị H đều đã trưởng thành, có cuộc sống riêng độc lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Hai đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Hai đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 buộc anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án và tống đạt hợp lệ đến bị đơn. Đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần để hai bên có thể thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H vắng mặt có lý do, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt mình. Do vậy Tòa án vẫn tiến hành mở phiên tòa theo đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ hôn nhân và tình trạng hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng khiến vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2017 đến nay.Trong thời gian sống ly thân hai bên không hàn gắn được quan hệ hôn nhân.

Kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân tại thôn K, xã N đối với Trưởng thôn và Chi hội phụ nữ, chi bộ Đảng thôn K đều xác định anh T, chị H mâu thuẫn đã lâu, nguyên nhân là do tính chất công việc nên anh T thường xuyên vắng nhà, chị H ghen tuông nên dẫn đến mâu thuẫn, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng. Cuộc sống chung không hạnh phúc, hai người đã ly thân từ đầu năm 2017 đến nay.

Hội đồng xét xử nhận thấy như vậy có đủ cơ sở để khẳng định rằng mâu thuẫn giữa anh T chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.Yêu cầu xin ly hôn của anh T là có căn cứ, cần được chấp nhận.

- *Về con chung:* Anh T chị H có 02 con chung là Ma Thị T, sinh ngày xx/x/19xx và Ma Văn T, sinh ngày xx/xx/19xx. Hiện nay hai con đã trưởng thành, có gia đình và cuộc sống riêng. Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung*: Anh T xác định tự thỏa thuận về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

- *Về nợ chung:* Cả anh T và chị H đều xác định không nợ ai và không cho ai nợ, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Ma Văn T. Anh Ma Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Anh T chị H có 02 con chung là Ma Thị T, sinh ngày xx/x/19xx và Ma Văn T, sinh ngày xx/xx/19xx. Hiện nay hai con đã trưởng thành, có gia đình và cuộc sống riêng. Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung.

- Về tài sản chung: Cả hai đương sự không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Ma Văn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 07694 ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới. Xác nhận anh T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn Ma Văn T, vắng mặt bị đơn Nguyễn Thị H. Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ